| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ PY**<br>**TỈNH TN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 07/2020/DS-ST<br>Ngày: 31-8-2020<br>V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PY, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Cần

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Ông Nguyễn Bá Quyền

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh TN.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm 2, xã MĐ, thị xã PY, tỉnh TN

Bị đơn: Ông Lê Trung D, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm CG, xã MĐ, thị xã PY, tỉnh TN

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Huy T trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 20/01/2014 ông Nguyễn Huy T có cho ông Lê Trung D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm CG, xã MĐ, thị xã PY vay số tiền 20.000.000đ. Khi vay hai bên không thế chấp tài sản gì mà chỉ lập giấy viết tay. Nội dung: "*Tôi Lê Trung D. xóm CG, xã MĐ vay của ông Nguyễn Huy T số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) với lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi lấy tiền ông T báo trước 1 tháng"*. Kể từ ngày vay đến nay ông T đã nhiều lần yêu cầu ông D phải trả số tiền đã vay trên nhưng ông D không trả. Cuối tháng 11/2019 ông đã làm đơn ra UBND xã MĐ để yêu cầu buộc ông D phải trả số tiền vay trên, nhưng quá trình UBND xã MĐ báo gọi, ông D hẹn sẽ trả tiền dần cho ông mỗi tháng là 2.000.000đ, nhưng sau đó ông D không thực

hiện. Sau đó ông được Công an xã hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã PY để giải quyết.

Ngày 20/02/2020 ông Nguyễn Huy T đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã PY - Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả cho ông số tiền đã vay là 20.000.000đ. Về lãi suất theo hợp đồng vay ông không yêu cầu.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm:

- 01 giấy viết tay do ông Lê Trung D viết ngày 20/01/2014.
- Bản sao sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Huy T.
- *Bị đơn ông Lê Trung D trình bày*: Ngày 20/01/2014 ông thừa nhận có vay của ông Nguyễn Huy T số tiền là 20.000.000đ, với lãi suất là 0,3%/tháng. Sau 03 tháng ông D đã trả cho ông T số tiền lãi theo thỏa thuận và sau đó ông T và ông D đã thỏa thuận lại lãi suất là 1,5%/tháng, kỳ hạn trả lãi là 03 tháng trả lãi một lần. Khi đến kỳ hạn thanh toán lãi, ông D đến trả thì ông T tính số tiền lãi là 9.000.000đ. Vì lãi suất quá cao, nên sau 05 ngày ông đã trả cho ông T số tiền là 26.000.000đ (bao gồm 20.000.000đ tiền nợ gốc và 6.000.000đ tiền lãi), còn lại số tiền lãi 3.000.000đ ông không trả được mà xin ông T. Sau khi trả tiền, ông D có yêu cầu ông T trả lại giấy tờ vay gốc, nhưng ông T tìm không thấy và có viết một giấy tờ khác có nội dung đã nhận của ông D số tiền gốc và lãi là 26.000.000đ.

Kể từ ngày đó đến nay ông T và ông D không gặp nhau nữa, nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông phải trả cho ông T số tiền đã vay là 20.000.000đ ông không nhất trí, vì ông xác định đã trả cho ông T toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay.

Về tài liệu chứng cứ là giấy viết tay do ông T viết đã nhận của ông số tiền trả gốc và lãi là 26.000.000đ, do thời gian đã lâu ông không tìm thấy nên không thể cung cấp cho tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để cho các đương sự thỏa thuận với nhau, tuy nhiên bị đơn ông Lê Trung D vắng mặt, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, cần phải đưa vụ án ra xét xử để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Nguyên đơn ông Nguyễn Huy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Lê Trung D phải trả số tiền vay là 20.000.000đ, không yêu cầu ông D phải trả lãi/ số tiền vay kể từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Trung D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nhiều lần có đơn xin hoãn phiên tòa và cung cấp cho tòa án 01 quyển sổ khám bệnh tại Trạm y tế xã MĐ thể hiện bị viêm học cấp + Tiêu chảy.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng**:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện ông Nguyễn Huy T khởi kiện ông Lê Trung D, sinh năm 1962, trú tại: Xóm CG, xã MĐ, thị xã PY, tỉnh TN, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Trung D phải trả số tiền vay theo giấy vay tiền, đề ngày 20/01/2014. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - Xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh TN.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án lần thứ ba, nhưng ông D không đến phiên tòa. Lý do ông D vắng mặt tại phiên tòa vì bị viêm học cấp + Tiêu chảy (khám bệnh 22/6/2020 tại Trạm y tế xã MĐ) không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

**[2]. Về nội dung**:

*[2.1]. Về việc giao kết hợp đồng*:

Căn cứ vào giấy viết tay đề ngày 20/01/2014 và sự thừa nhận của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 20/01/2014 ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1952, địa chỉ: Xóm 2, xã MĐ, thị xã PY, tỉnh TN và ông Lê Trung D, sinh năm 1962, địa chỉ: Xóm CG, xã MĐ, thị xã PY, tỉnh TN đã giao kết với nhau hợp đồng vay tài sản – Theo đó ông Nguyễn Huy T cho ông Lê Trung D vay số tiền là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); Khi vay các bên không thế chấp tài sản gì, có thỏa thuận về lãi, nhưng không thỏa thuận lãi suất cụ thể; Bên vay có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay sau thời hạn 01 tháng kể từ ngày bên vay báo trước. Tuy nhiên sau đó bên vay (ông Lê Trung D) không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo cam kết nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay (ông Nguyễn Huy T).

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Huy T và ông Lê Trung D giao kết ngày 20/01/2014 là tự nguyện, nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 122, 123, 124, 389, 401, 402, 403, 405, 405 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết.

*[2.2]. Về việc thực hiện hợp đồng*:

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bên cho vay (ông T) đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay và thực hiện yêu cầu báo trước để ông D phải thanh toán số tiền vay theo hợp đồng, nhưng bên vay (ông D) không thanh toán, nên ông T đã có đơn yêu cầu gửi đến UBND xã MĐ và đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã PY để buộc ông D phải thanh toán số tiền đã vay theo hợp đồng mà các bên đã giao kết.

Bên vay: Ông D trình bày đã trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay là 26.000.000đ, kể từ năm 2014. Tuy nhiên không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán cho ông T toàn bộ số nợ tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay mà đã giao kết. Do đó không có cơ sở để xác định ông D đã trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay cho ông T.

Tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*"1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:*

*……..*

*b, Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này;"*

Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

***Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay***

*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.*

*3. Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*

*5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*

Như vậy, căn cứ vào hợp đồng các bên đã giao kết, quá trình thực hiện hợp đồng và quy định pháp luật nêu trên, thì bên vay (ông Lê Trung D) đã vi phạm hợp đồng và có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Huy T toàn bộ số tiền đã vay là 20.000.000đ theo hợp đồng các bên đã giao kết ngày 20/01/2014.

*[2.3]. Về lãi suất theo hợp đồng*: Do ông Nguyễn Huy T không yêu cầu ông Lê Trung D phải trả lãi đối với số tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện trên của ông Nguyễn Huy T và không buộc ông Lê Trung D phải trả lãi theo hợp đồng vay.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, HĐXX thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T, buộc ông Lê Trung D phải trả cho ông Nguyễn Huy T toàn bộ số tiền đã vay là 20.000.000đ theo hợp đồng vay tài sản giao kết ngày 20/01/2014.

**[3]. Về án phí**: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Lê Trung D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000đ x 5% = 1.000.000đ; Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**[4]. Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T đối với ông Lê Trung D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Lê Trung D phải trả cho ông Nguyễn Huy T toàn bộ số tiền đã vay theo hợp đồng vay tài sản giao kết ngày 20/01/2014 là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Ghi nhận việc ông Nguyễn Huy T không yêu cầu ông Lê Trung D phải trả khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.*

*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Trung D phải nộp 1.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Huy T số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004667, ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY, tỉnh TN.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh ThátNguyên;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã PY;
- Chi cục THADS thị xã PY;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã MĐ;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Cần**